ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1154 /QĐ-SYT	*Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 21 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp xét của Tổ Thư ký thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đợt 21 năm 2026 cho 42 cá nhân (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

(Bs.Lam/02.11.26)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Lưu Văn Dũng

DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐỢT 21 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ QUANG	16/05/1990	038090071519	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003091/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
2	MAI THỊ THU HƯƠNG	19/10/2001	037301008397	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003092/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
3	NINH NGUYỄN TRÚC LINH	10/06/1996	075196018779	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003093/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
4	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	07/04/1997	042197004270	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003094/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
5	HỎA NGỌC SƠN	13/01/1988	075088023471	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003095/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
6	TRẦN HỒNG QUÂN	03/04/1992	075092020111	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003096/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
7	KINH THỊ VIỆT THU THƯƠNG	31/12/1999	060199005929	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003097/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
8	HÁN THANH TRUYỀN	25/05/2000	058200008243	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003098/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
9	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	17/10/2001	070301003887	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003099/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
10	ĐỒNG THANH DREAM	03/04/2001	060201004313	Việt Nam	Bác sỹ	Y khoa	003100/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
11	ĐỖ BẢO LÂM	25/08/2000	084200001282	Việt Nam	Bác sỹ	Răng hàm mặt	003101/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
12	PHẠM MINH TÚ	10/10/2001	075301004062	Việt Nam	Bác sỹ	Răng hàm mặt	003102/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
13	LÝ KIỀU HÀNG	09/02/1989	070089000069	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003103/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
14	NGUYỄN THỊ BÍCH	22/03/1982	030182013244	Việt Nam	Bác sỹ	Y học cổ truyền	003104/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
15	LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	15/01/2000	051300001949	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003105/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
16	HOÀNG XUÂN HÙNG	20/11/1991	038091037861	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003106/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
17	BÙI THỊ QUY	19/07/1980	030180012726	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003107/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
18	ĐOÀN THỊ OANH	05/12/1990	034190013730	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003108/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
19	HỒ THỊ HẢI NAM	17/07/1988	042188005191	Việt Nam	Y sỹ	Đa khoa	003109/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
20	LÊ THỊ NGỌC HÂN	15/04/2002	083302005404	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003110/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
21	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	08/11/1999	079199032870	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003111/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
22	NGUYỄN VĂN BÌNH	13/05/1990	040090031368	Việt Nam	Y sỹ	Y học cổ truyền	003112/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
23	TRƯƠNG THỊ CHUNG	04/02/1991	052191017137	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003113/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
24	HOÀNG PHI PHỤNG	25/01/1988	075088021954	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003114/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
25	TRẦN THỊ SANG	01/03/1993	034193004234	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003115/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
26	LÊ THANH NGỌC TRÚC	01/01/2002	075302002032	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003116/ĐNAI-GPHN	Cấp mới

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
27	NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/05/1989	040189023256	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003117/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
28	NGUYỄN THỊ THU SANG	13/01/1990	070190010333	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003118/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
29	LÊ THỊ HẰNG	02/06/1989	038189023642	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003119/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
30	VŨ THỊ HÀ GIANG	07/09/2003	075303021885	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003120/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
31	PHẠM TRẦN THANH VÂN	18/10/2002	084302008534	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003121/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
32	VÕ TRUNG HIẾU	22/10/2003	075203017564	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003122/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
33	TRẦN TRÚC QUỲNH	08/03/2004	075304003355	Việt Nam	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	003123/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
34	NGUYỄN HỮU THIỆN	29/09/2001	075201001552	Việt Nam	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	003124/ĐNAI-GPHN	Cấp mới
35	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	20/06/1988	060188015668	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003125/ĐNAI-GPHN	Cấp lại

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số CCCD	Quốc tịch	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số GPHN	Ghi chú
36	BÙI THỊ NHUNG	09/12/1986	035186009884	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003126/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
37	PHẠM BÁ ĐỨC	15/09/1986	066086010430	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003127/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
38	PHẠM THỊ BÌNH	18/12/1993	074193005121	Việt Nam	Điều dưỡng	Điều dưỡng	003128/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
39	PHAN NGỌC THƯƠNG THƯ	09/07/1999	075199010057	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003129/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
40	NGUYỄN CÔNG TÍN	18/06/1997	075097019268	Việt Nam	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	003130/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
41	NGUYỄN NGỌC UYÊN	08/03/1993	075193019436	Việt Nam	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	003131/ĐNAI-GPHN	Cấp lại
42	ĐỖ ÉN NHI	18/10/1992	075192005190	Việt Nam	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	003132/ĐNAI-GPHN	Cấp lại